

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD

Ngày 31/12/2025	7,580 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.6%	-8.0%	-1.3%

DT thuần Q4/25	LN thuần Q4/25	LN sau thuế Q4/25
228	7.87	6.29
tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.0 14.8%	QoQ: ▲ 3.50 80.0%	QoQ: ▲ 2.79 79.8%
YoY: ▲ 26.0 13.1%	YoY: ▲ 1.39 21.4%	YoY: ▲ 1.13 22.0%

DT thuần Q4/25	LN thuần Q4/25	LN sau thuế Q4/25
228	7.87	6.29
tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.0 14.8%	QoQ: ▲ 3.50 80.0%	QoQ: ▲ 2.79 79.8%
YoY: ▲ 26.0 13.1%	YoY: ▲ 1.39 21.4%	YoY: ▲ 1.13 22.0%

DT thuần Q4/25	LN thuần Q4/25	LN sau thuế Q4/25
228	7.87	6.29
tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.0 14.8%	QoQ: ▲ 3.50 80.0%	QoQ: ▲ 2.79 79.8%
YoY: ▲ 26.0 13.1%	YoY: ▲ 1.39 21.4%	YoY: ▲ 1.13 22.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025	ROE 2025
4.6%	4.8%
YoY: +/-▼ 0.9%	YoY: +/-▼ 1.7%

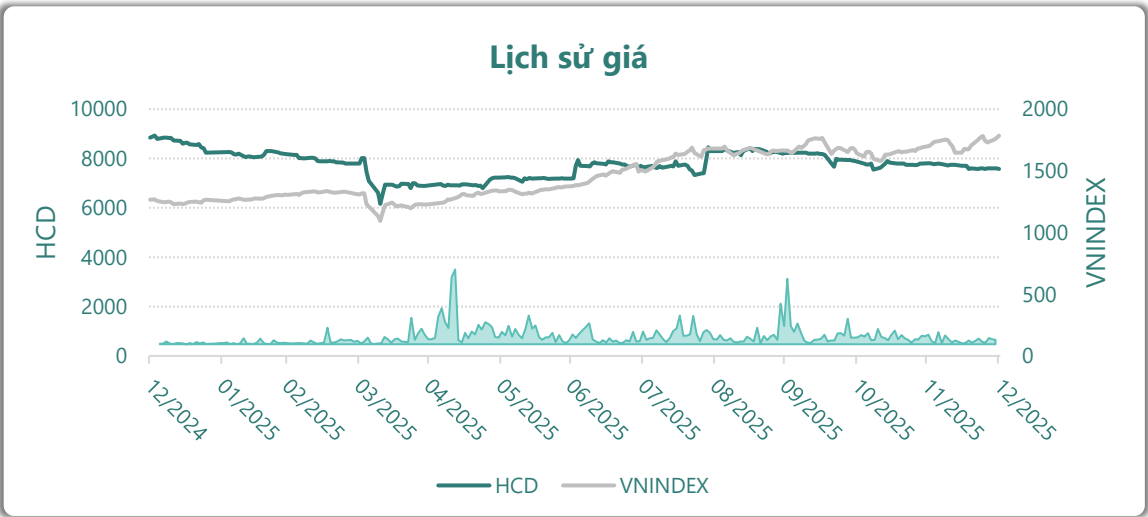
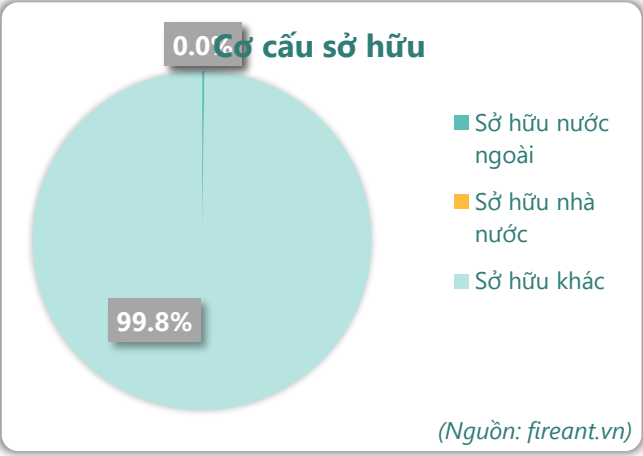
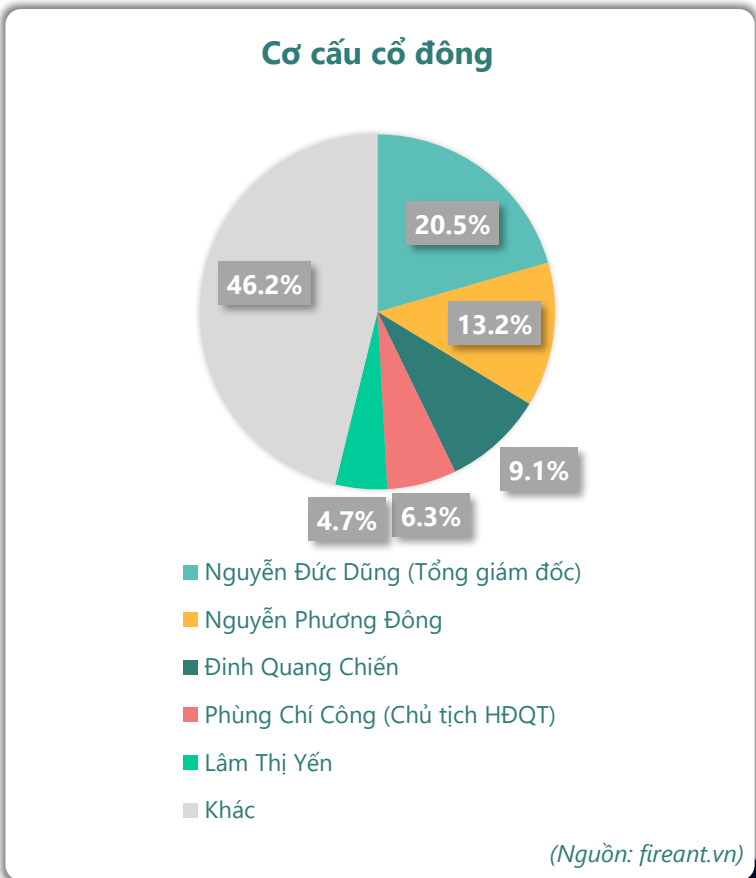
Tỷ suất lãi EBIT 2025	ROE 2025
4.6%	4.8%
YoY: +/-▼ 0.9%	YoY: +/-▼ 1.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,160 - 8,930
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	280
Số lượng CPLH (CP)	36,958,816
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,190
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.33
EPS	640
P/E	11.8

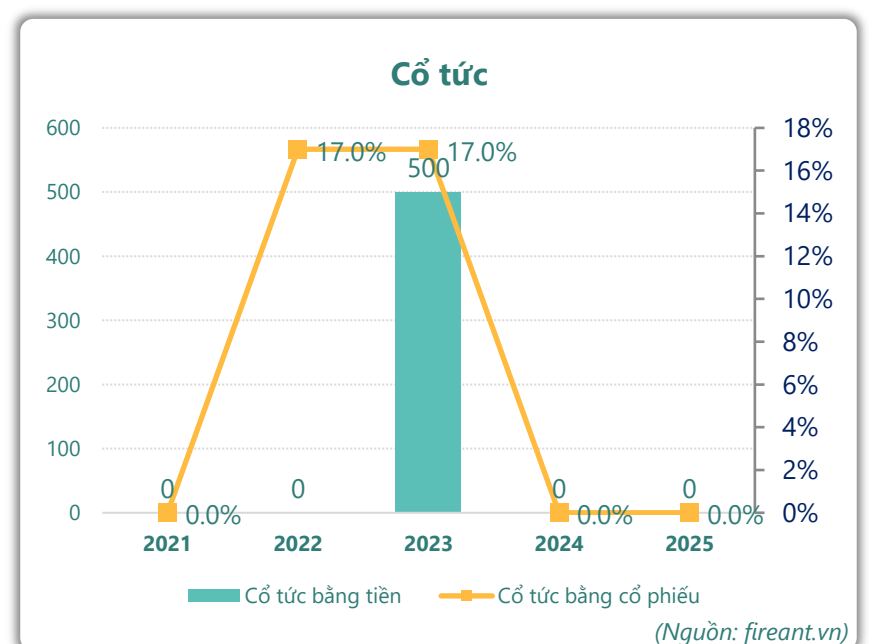
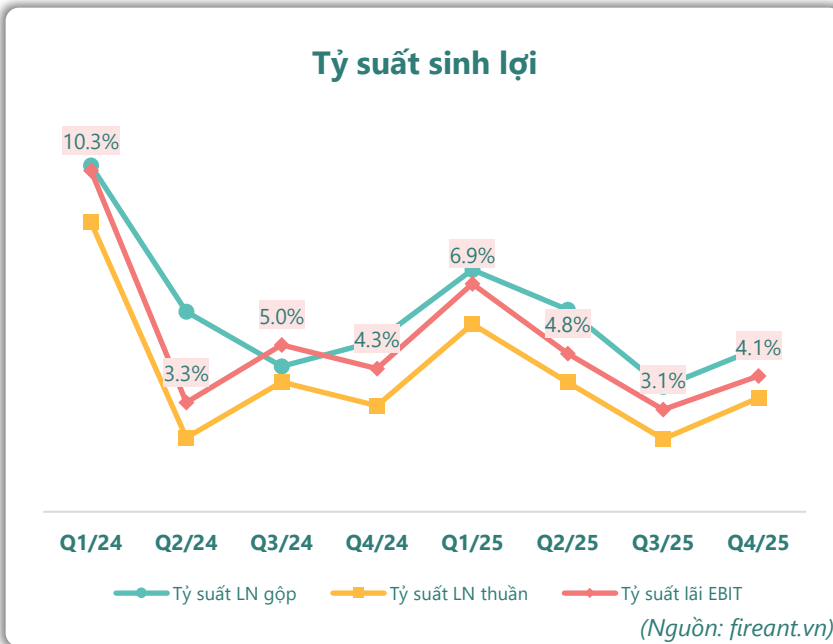
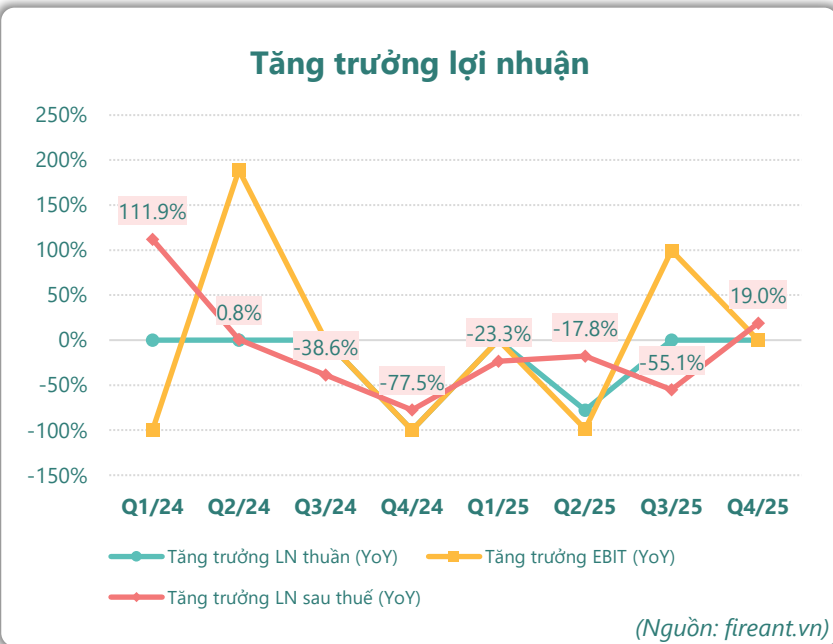
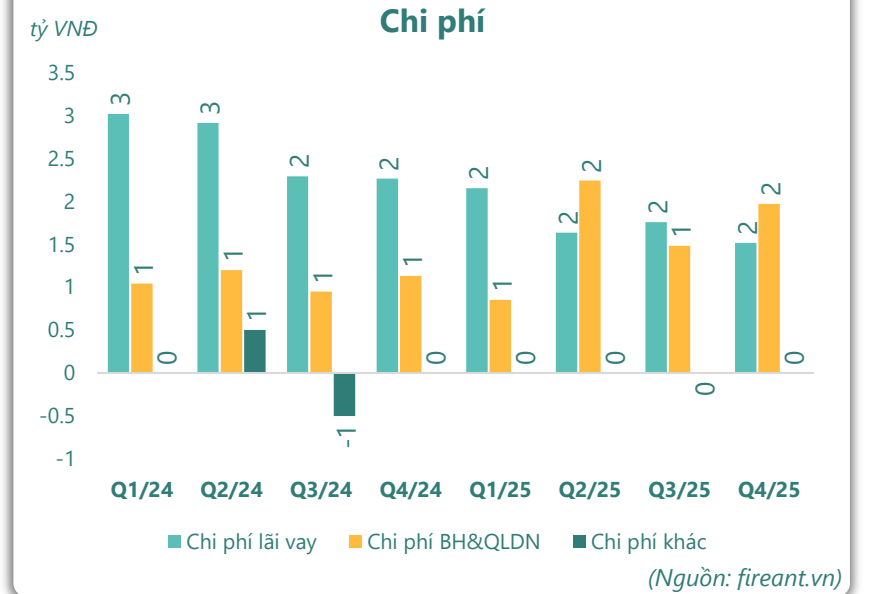
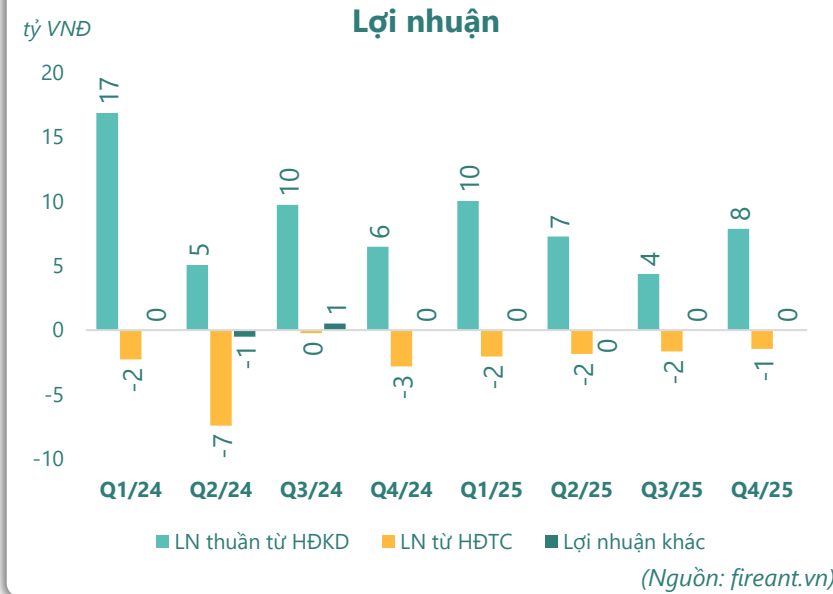
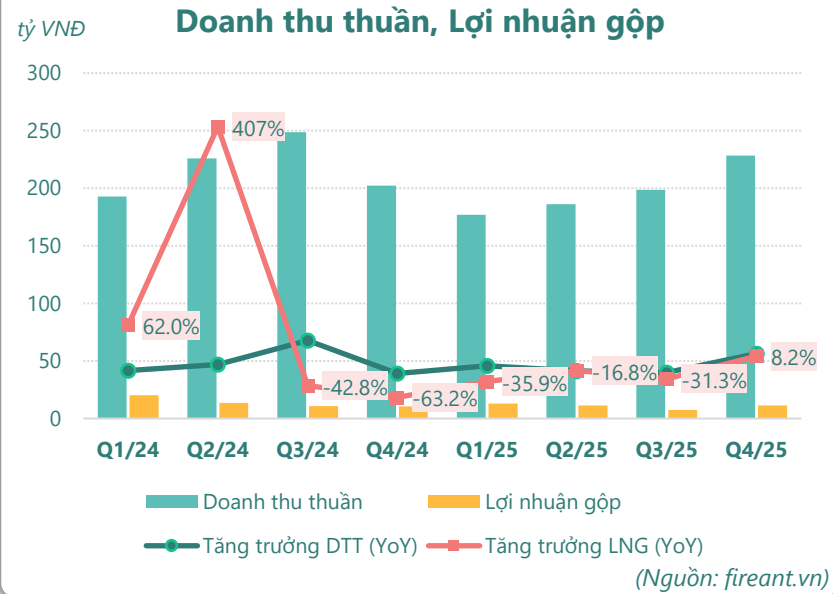
DT thuần 2025	LN thuần 2025	LN sau thuế 2025
790	29.6	23.6
tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
YoY: ▼79.0 -9.1%	YoY: ▼8.20 -21.7%	YoY: ▼6.60 -21.7%

DT thuần 2025	LN thuần 2025	LN sau thuế 2025
790	29.6	23.6
tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
YoY: ▼79.0 -9.1%	YoY: ▼8.20 -21.7%	YoY: ▼6.60 -21.7%

DT thuần 2025	LN thuần 2025	LN sau thuế 2025
790	29.6	23.6
tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
YoY: ▼79.0 -9.1%	YoY: ▼8.20 -21.7%	YoY: ▼6.60 -21.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

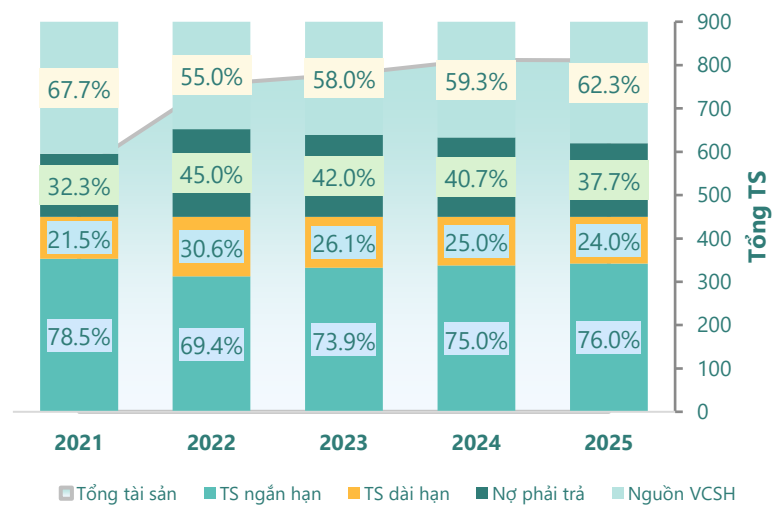




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

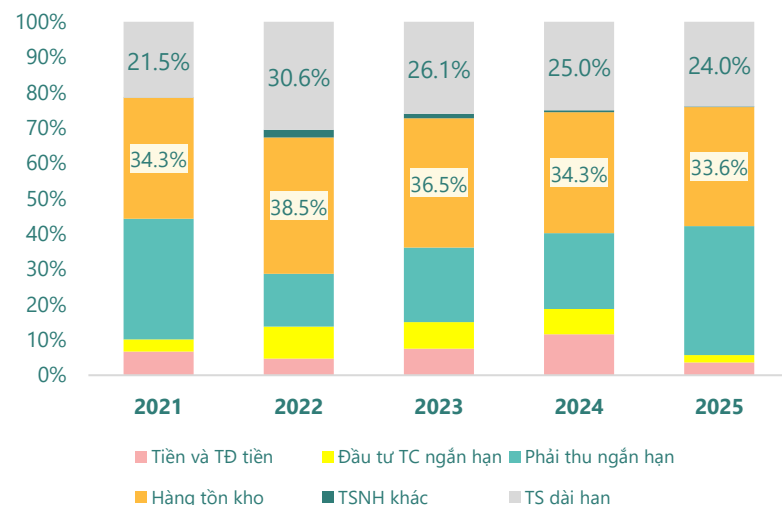
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

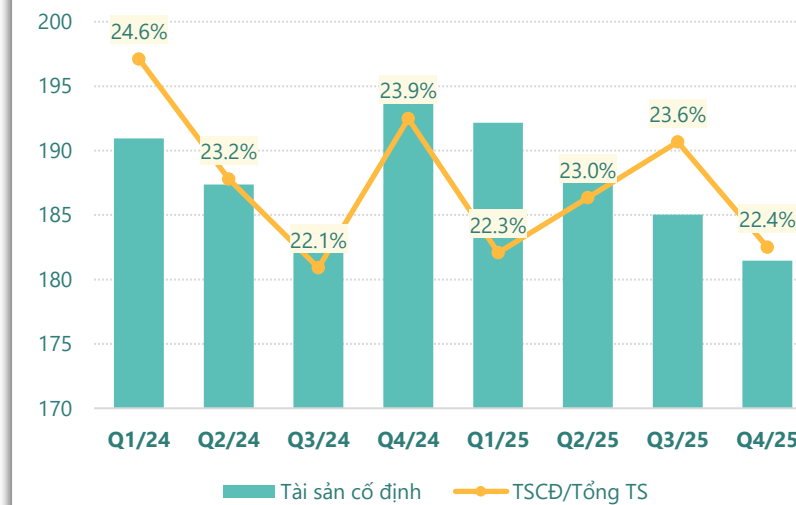
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

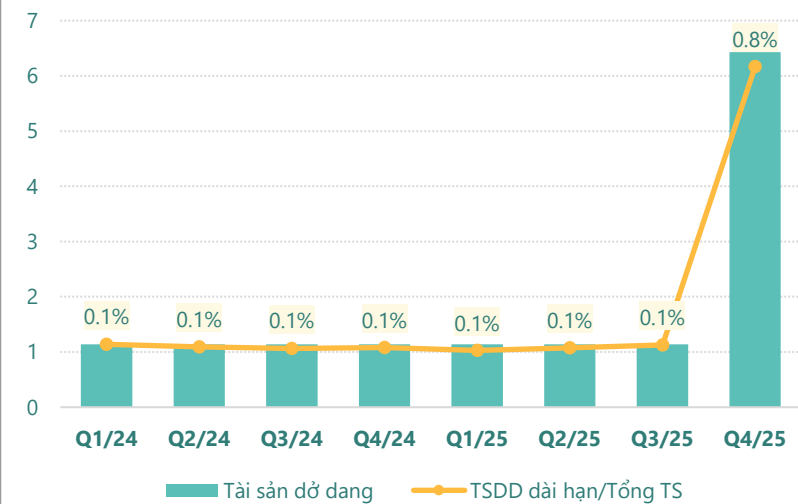
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

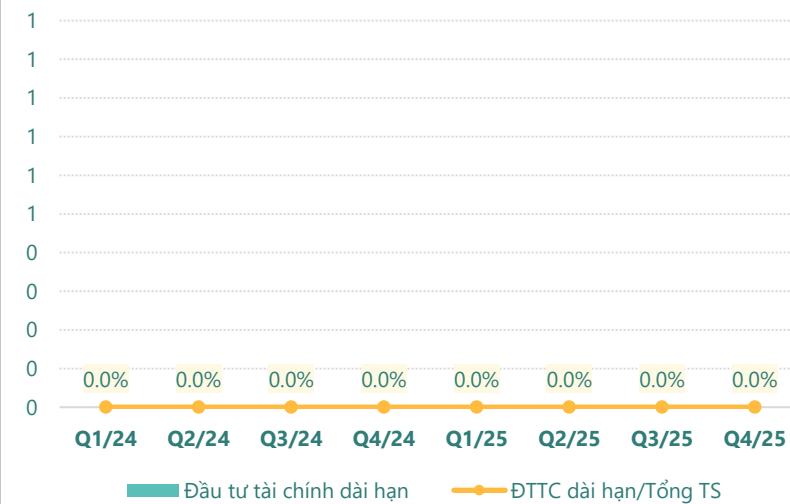
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

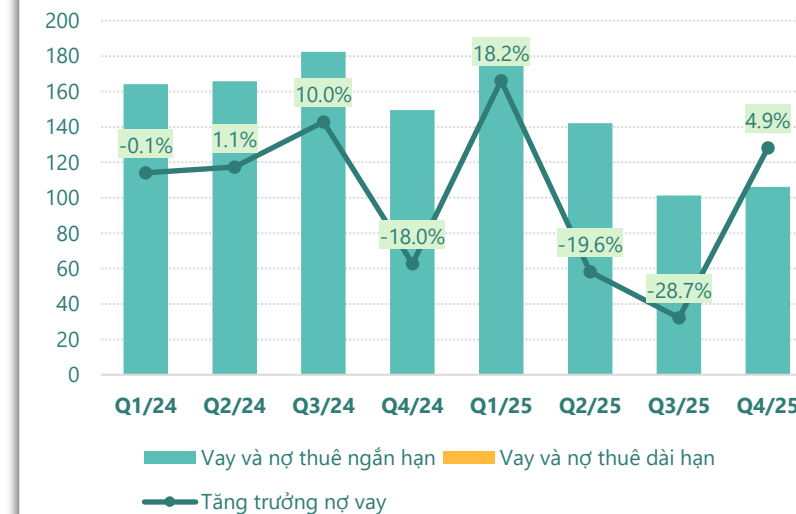
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

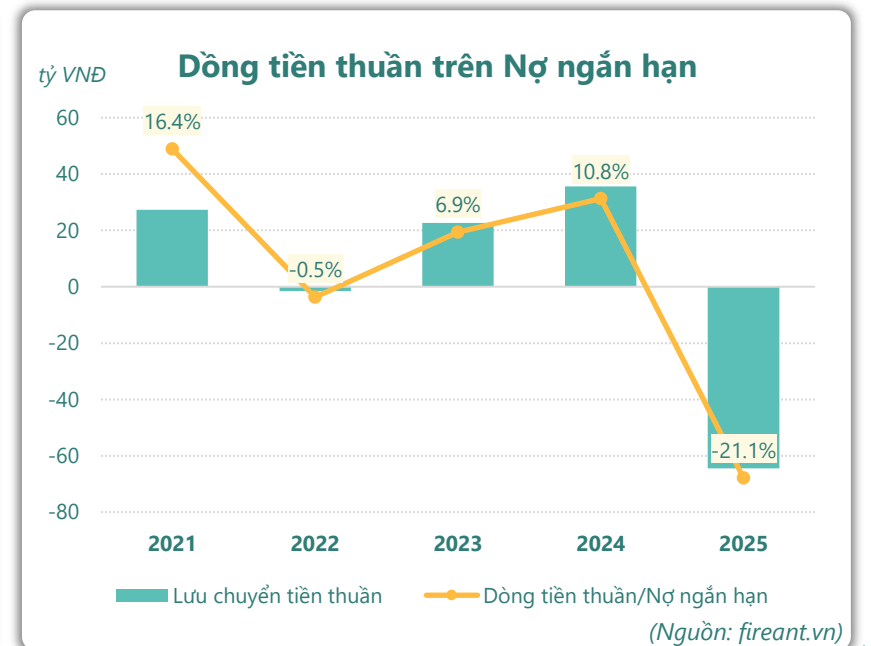
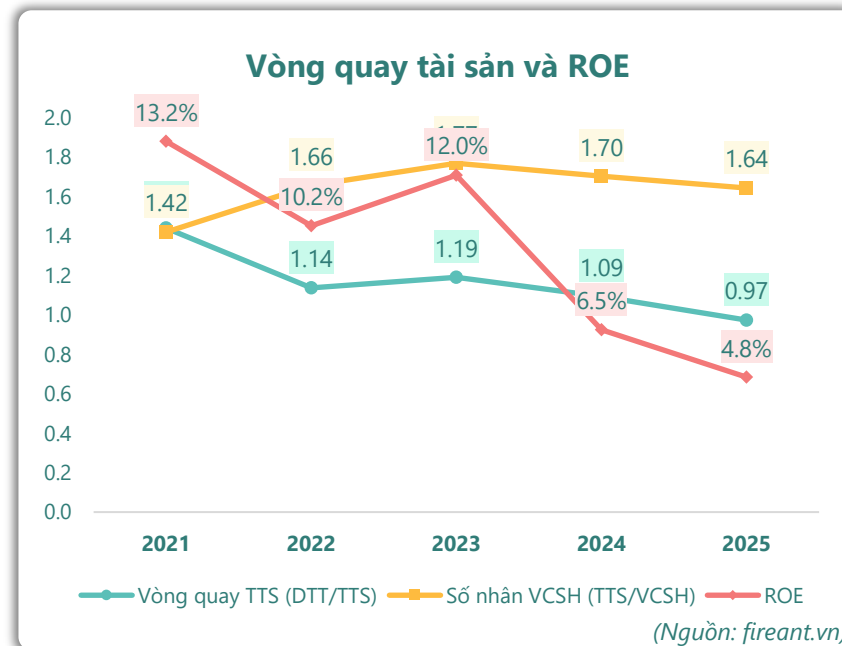
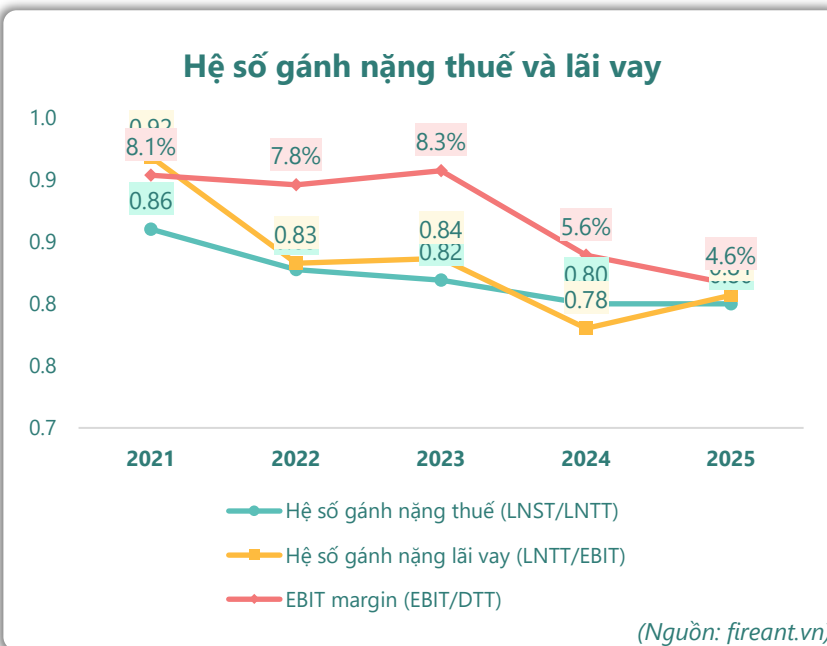
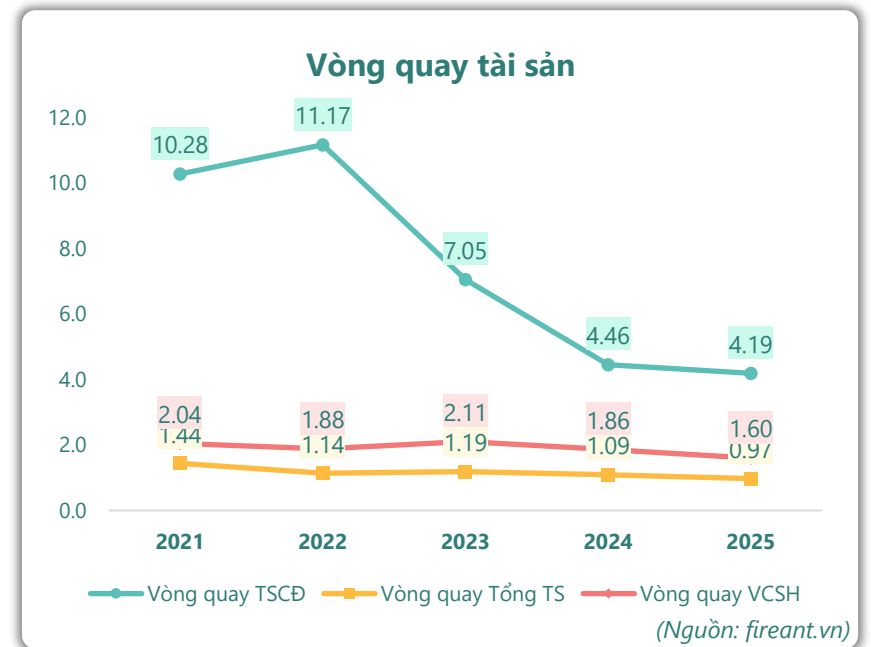
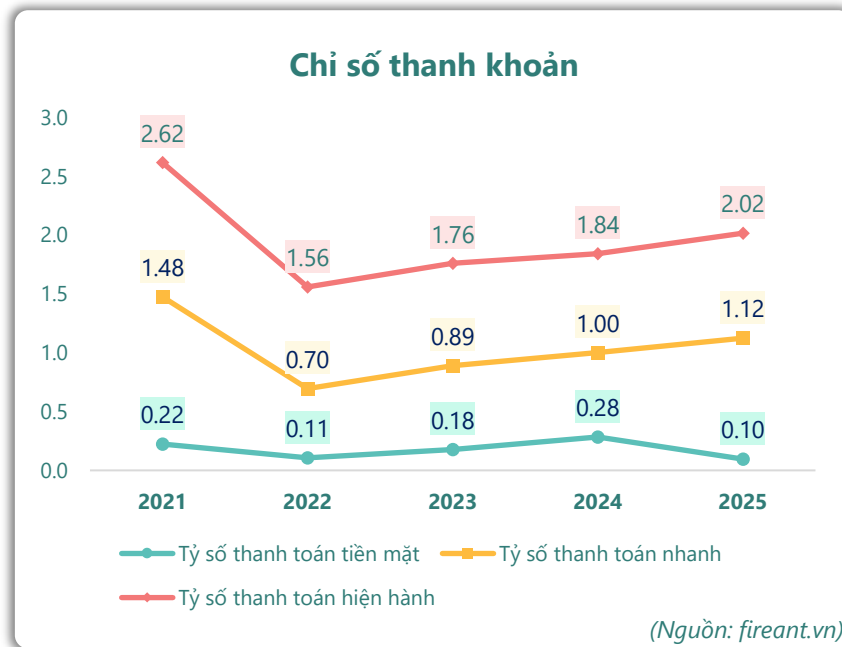
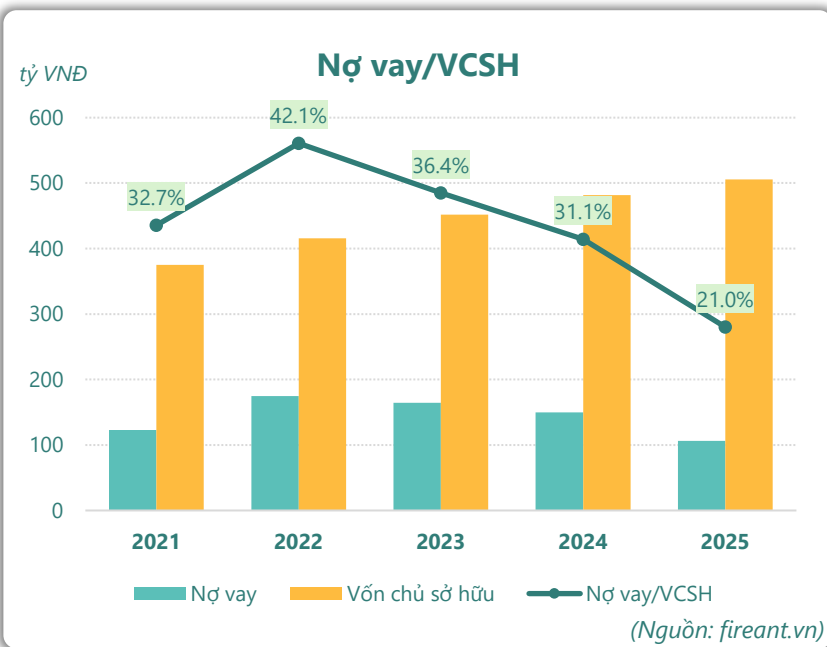
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	228	202	13.1%	790	869	-9.1%
Giá vốn hàng bán	217	192	13.1%	747	815	-8.4%
Lợi nhuận gộp	11.3	10.4	8.6%	43.1	54.1	-20.3%
Doanh thu HĐTC	0.07	-0.56	112%	0.05	4.20	-98.7%
Chi phí TC	1.52	2.27	-33.1%	7.07	16.2	-56.2%
Chi phí lãi vay	1.52	2.27	-33.1%	7.07	10.6	-33.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.61	0.11	457%	1.30	0.40	223%
Chi phí QLDN	1.36	1.02	33.5%	5.26	3.98	32.0%
LN thuần từ HĐKD	7.87	6.48	21.4%	29.6	37.8	-21.7%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.00	-0.01	45.3%
LN trước thuế	7.87	6.48	21.4%	29.6	37.7	-21.7%
Lợi nhuận sau thuế	6.29	5.16	22.0%	23.6	30.2	-21.7%
LNST của CĐ cty mẹ	6.29	5.16	22.0%	23.6	30.2	-21.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-45.1	73.1	-67.2	-17.1	11.6	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.35	-9.50	-4.10	19.6	39.2	-13.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.6	-32.9	27.1	-34.7	-40.8	4.94
Tiền đầu kỳ	95.1	58.2	93.8	49.6	17.3	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	-36.9	30.8	-44.2	-32.2	9.93	2.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	58.2	89.0	49.6	17.3	27.3	29.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	811	812	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	616	609	1.2%
Tiền và tương đương tiền	29.3	93.8	-68.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.6	58.3	-71.5%
Phải thu ngắn hạn	296	174	70.2%
Hàng tồn kho	273	278	-1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.11	4.36	-74.5%
Tài sản dài hạn	195	203	-4.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	181	196	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.43	1.14	465%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.73	6.28	7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	330	-7.5%
Nợ ngắn hạn	305	330	-7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	150	-29.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	167	152	9.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	506	482	4.9%
Vốn chủ sở hữu	506	482	4.9%
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

